

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2024/DS-ST

Ngày: 23/8/2024.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Bộ và ông Phạm Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Trang - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2024, tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2024/TLST-DS ngày 09/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-DS ngày 23/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2024/QĐST-DS ngày 06/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 đường N, P8, Q3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh C – Trưởng phòng Phòng giao dịch B - Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1983; Chức vụ: Chuyên viên thẻ - Ngân hàng thương mại cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: 130-132 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm Duy T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 02 đường A6, Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày: Ngày 24/8/2022, ông Nguyễn Phạm Duy T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp

đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng tiền vốn gốc là: 31.319.526 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 11/3/2024 là: 8.662.311 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 07 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 11/3/2024, ông T còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 31.319.526 đồng; Lãi quá hạn: 8.662.311 đồng; Tổng cộng: 39.981.837 đồng.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 11/3/2024 là 39.319.837 đồng, trong đó dư nợ chuyển quá hạn là 31.319.526 đồng, lãi quá hạn là 8.662.311 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 12/3/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S buộc ông Nguyễn Phạm Duy T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 11/3/2024 là 39.319.837 đồng, trong đó dư nợ chuyển quá hạn là 31.319.526 đồng, lãi quá hạn là 8.662.311 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 12/3/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Phạm Duy T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn ông Nguyễn Phạm Duy T là

“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B nên Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Phạm Duy T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn ông T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn ông T.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện vào ngày 24/8/2022, ông T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền vốn gốc là: 31.319.526 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 11/3/2024 là: 8.662.311 đồng.

Trong quá trình giao dịch tính đến ngày 10/6/2023 ông T đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 8.147.495 đồng; trong đó tiền gốc là 6.700.943 đồng và 1.446.552 đồng tiền lãi. Kể từ sau khi thanh toán số tiền trên thì ông T không trả thêm cho Ngân hàng khoản tiền nào khác kể cả gốc và lãi suất. Như vậy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng và các văn bản mà hai bên đã ký kết với nhau. Do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tạm tính đến ngày 11/3/2024 là 39.319.837 đồng, trong đó dư nợ chuyển quá hạn là 31.319.526 đồng, lãi quá hạn là 8.662.311 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng kể từ ngày 12/3/2024 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Phạm Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $39.319.837 \times 5\% = 1.965.991$ đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Phạm Duy T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 11/3/2024 là 39.319.837 đồng, trong đó dư nợ chuyển quá hạn là 31.319.526 đồng, lãi quá hạn là 8.662.311 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 12/3/2024 cho đến khi trả hết nợ.

- *Về án phí:* Ông Nguyễn Phạm Duy T phải chịu 1.965.991 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Phương T đã nộp thay theo biên lai thu tiền số: AA/2023/0009760 ngày 01/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

